TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30-01-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Đặng Song Hoàn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 847/2023/TLST-HN ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 65/1/2/2 đường B, phường N, thành phố T, tỉnh V (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Thạch T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 65/1/2/2 đường B, phường N, thành phố T, tỉnh V (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tố tụng tại tòa nguyên đơn bà Dương Thị H trình bày:

Bà và ông Thạch T tìm hiểu nhau một thời gian sau đó tổ chức đám cưới và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T vào năm 2005. Sau khi sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống trái ngược nên vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Vì vậy, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ. Ông T không có trách nhiệm với gia đình, với vợ con dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Từ đầu năm 2023 đến nay mặc dù sống chung một nhà

nhưng hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay, bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Thạch T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Thạch Thảo V, sinh ngày 20-02-2006 và Thạch Phúc T, sinh ngày 15-01-2013. Bà có nguyện vọng nuôi cháu V và cháu T; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bà xác định từ nhỏ đến lớn bà là người chủ yếu trực tiếp chăm sóc 02 con còn ông T không phụ giúp bà bất cứ việc gì trong việc chăm sóc con cái. Ngay cả việc đưa đón con đi học chủ yếu bà là người đưa đón còn ông T chỉ thỉnh thoảng đưa đón con. Ông T không chịu lo làm ăn để phụ giúp kinh tế cho gia đình mà để một mình bà phải lo toan mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình cũng như lo cho con cái học hành. Hiện nay, ông T đang làm công việc sửa điện tử ở nhà, tính chất công việc và thu nhập không ổn định, lúc có, lúc không nên mọi chi phí trong gia đình bà phải lo hết; thỉnh thoảng ông T đưa cho bà khoảng 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng để bà chi phí trong gia đình. Hiện nay, bà làm công việc buôn bán hải sản với mức thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 12.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng nên bà có đủ điều kiện, khả năng để có thể chăm sóc, nuôi dưỡng các con tốt hơn ông T.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Thạch T trình bày:

Ông xác định về quá trình kết hôn của vợ chồng đúng như Bà trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính chất công việc của ông không ổn định nên thu nhập lúc có lúc không vì vậy ông không có tiền để phụ giúp kinh tế cho gia đình dẫn đến vợ chồng có xảy ra cãi vã về vấn đề kinh tế. Ông xác định mâu thuẫn của vợ chồng ông chưa đến mức phải ly hôn vả lại ông vẫn còn tình cảm với bà H vì vậy ông không đồng ý ly hôn, ông đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng ông đoàn tụ.

- Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung tên Thạch Thảo V, sinh ngày 20-02-2006 và Thạch Phúc T, sinh ngày 15-01-2013. Ông yêu cầu nuôi cháu V và cháu T; không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Dương Thị H yêu cầu ly hôn với ông Thạch T có địa chỉ cư trú tại thành phố T. Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Thị H, bị đơn ông Thạch T vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Bà Dương Thị H và ông Thạch T tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Xét về tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T thì thấy: Theo bà H nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống trái ngược nên vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Vì vậy, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ. Ông T không có trách nhiệm với gia đình, với vợ con dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Từ đầu năm 2023 đến nay mặc dù sống chung một nhà nhưng hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Theo ông T nguyên nhân mâu thuẫn là do tính chất công việc của ông không ổn định nên thu nhập lúc có, lúc không vì vậy ông không có tiền để phụ giúp kinh tế cho gia đình dẫn đến vợ chồng có xảy ra cãi vã về vấn đề kinh tế.

[2.3]. Theo xác minh tại địa phương, bà Dương Thị H và ông Thạch T có chung sống cùng nhau tại địa chỉ 65/1/2/2 đường B, phường N, thành phố T. Trong quá trình chung sống do ông T thường xuyên nhậu nhẹt về hay chửi bới bà H dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng. Vợ chồng bà H và ông T mâu thuẫn kéo dài đã lâu, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Bà H và ông T có 02 con chung tên Thạch Thảo V và Thạch Phúc T; hai con chung đều do bà H nuôi ăn học, bà H thường xuyên đưa đón các cháu đi học còn ông T thỉnh thoảng mới đi đón con.

[2.4]. Xét thấy, mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông T là có thật, vợ chồng cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả.Vợ chồng đã sống ly thân, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.5]. Về con chung: Bà Dương Thị H và ông Thạch T có 02 con chung tên Thạch Thảo V, sinh ngày 20-02-2006 và Thạch Phúc T, sinh ngày 15-01-2013. Bà H và ông T đều có nguyện vọng nuôi 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của bà H và ông T thì thấy: Bà H có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt hơn ông T, thể hiện ở việc hiện nay bà H đang làm công việc buôn bán hải sản với mức thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 12.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng còn ông T đang làm công việc sửa điện tử ở nhà, tính chất công việc và thu nhập không ổn định. Vả lại từ nhỏ đến lớn, bà H là người chủ yếu trực tiếp chăm sóc 02 con và đưa đón các con đi học còn ông T chỉ thỉnh thoảng đưa đón con, không phụ giúp bà H bất cứ việc gì trong việc chăm sóc con cái.Ngoài ra, cháu V và cháu T đều có nguyện vọng ở với mẹ nên xem xét giao cháu V và cháu T cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Dương Thị H đối với ông Thạch T.

1. Về hôn nhân: Bà Dương Thị H ly hôn với ông Thạch T.

2. Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung tên Thạch Thảo V, sinh ngày 20-02-2006 và Thạch Phúc T, sinh ngày 15-01-2013. Bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Thạch Thảo V và Thạch Phúc T. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Thạch T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4**.** Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số

tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002353 ngày 18-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Vũng Tàu;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu;
- UBND Phường 5, Tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Hương